

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 04-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Dũng

Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo thứ nhất: Trần Thị Châu Đ, sinh năm 1996 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Số nhà 179, đường P, phường N, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình T, sinh năm 1969 và bà Châu Lệ V, sinh năm 1971; có chồng là Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1996 và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2017 đến ngày 28/12/2017 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

2/ Bị cáo thứ hai: Bùi Thị Lệ H, sinh năm 1975 tại thị xã A, tỉnh B; nơi cư trú: Số nhà 01, đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn L, sinh năm 1947 và bà Phan Thị V1, sinh năm 1949; có chồng là Phạm Đình T1, sinh năm 1973 và có 02 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt giữ, giam chó đến ngày 09/01/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số nhà 227/4, đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

2. Anh Phạm Đình T1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà 01, đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 22/12/2017 tại số nhà 01, đường N, phường Đ, thị xã A, Công an thị xã A kiểm tra lập giao nhận tịch đề với Bùi Thị Lệ H, tạm giữ 01 tịch đề ngày 21/12/2017 và 01 tờ giấy ghi tịch đề ngày 22/12/2017, tiền Việt Nam 6.469.000đ, một cây bút bi màu xanh.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 12/2017, Bùi Thị Lệ H bán số đề cho nhiều người đến mua đề, sau đó tổng hợp lại thành các tịch đề rồi giao nộp lại cho Trần Thị Châu Đ để hưởng tỉ lệ “huê hồng”. Đ giữ lại các tịch đề tính thắng, thua với người chơi đề theo kết quả xổ số kiến thiết.

Tịch đề ngày 21/12/2017 (kết quả xổ số kiến thiết tỉnh B), H đã bán:

+ Số đầu cuối 02 chân: 1.823.000đ, nhưng để khuyến khích người chơi, H chỉ thu của người chơi: 1.519.000đ (với tỉ lệ 10 ghi thành 12), rồi chuyển cho Đ với tỉ lệ 73% (trên số tiền bán đề được là $1.823.000đ = 1.330.000đ$, H hưởng lợi 189.000đ,

+ Bao lô số 02 chân: 640 điểm lô (01 điểm 01 lô là 18.000đ) nên $640 \text{ điểm} \times 18.000đ = 11.520.000đ$, nhưng để khuyến khích người mua đề, H chỉ thu của người mua 01 điểm 01 lô chỉ 13.000đ. Nên H thực thu: $640 \text{ điểm} \times 13.000đ = 8.192.000đ$, H hưởng lợi 128.000đ

+ Đầu cuối, bao lô số 03 chân tổng cộng 810.000đ, H chuyển cho Đ 85% = 688.000đ, H hưởng lợi 122.000đ.

+ Kết quả xổ số, người mua trúng 01 con số đầu 4.000 (tỉ lệ chung 1 thành 70) = 280.000đ và bao lô số 02 chân trúng 125 điểm $\times 70 = 8.750.000đ$. Tổng cộng người mua trúng: 9.030.000đ, H đã hưởng lợi được 439.000đ, Đ hưởng lợi được 1.180.000đ.

Tịch đề ngày 22/12/2017 (chưa có kết quả xổ số thì H và Đ bị bắt quả tang khi H giao tịch đề cho Đ).

+ Số đầu cuối 02 chân: 1.736.000đ, H thực thu của người mua đề 1.446.000đ, chuyển cho Đ tỉ lệ 73 % = 1.267.000đ, còn 179.000đ H sẽ hưởng lợi.

+ Bao lô số 02 chân: $496 \text{ điểm} \times 18.000đ = 8.928.000đ$, thực tế H thu của người mua đề 01 điểm 01 lô là 13.000đ = 6.448.000đ rồi chuyển cho Đ 01 lô 01 điểm là 12.800đ = 6.348.000đ. H sẽ hưởng lợi 100.000đ.

+ Đầu cuối, bao lô số 03 chân: 256.000đ, H chuyển cho Đ 85% = 217.000đ. H sẽ hưởng lợi 39.000đ.

Như vậy, ngày 22/12/2017 Trần Thị Châu Đ và Bùi Thị Lệ H đánh bạc với số tiền: 10.920.000đ (1.736.000đ + 8.928.000đ + 256.000đ).

Ngoài ra, Bùi Thị Lệ H và Trần Thị Châu Đ còn khai nhận: Từ đầu tháng 12/2017 đến trước khi bị bắt quả tang, H có khoảng 20 lần bán đề rồi nộp tịch cho Trần Thị Châu Đ, nhưng không có chứng cứ, tài liệu xác định số tiền đánh bạc của H và Đ.

Trong quá trình điều tra, Bùi Thị Lệ H đã tự nguyện nộp lại các khoản:

- Tiền thu lợi bất chính của tịch đề ngày 21/12/2017: 439.000đ;
- Tiền thu lợi bất chính của Đ của tịch đề ngày 21/12/2017 mà H còn giữ: 1.180.000đ;
- Tiền bán đề thực thu của các con bạc của tịch đề ngày 22/12/2017 mà H còn giữ: 1.681.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 02/QĐ-VKSAN ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Trần Thị Châu Đ và Bùi Thị Lệ H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Trần Thị Châu Đ từ 15.000.000đ -20.000.000đ,

Áp dụng khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Bùi Thị Lệ H từ 7.000.000đ -15.000.000đ.

Về xử lý vật chứng và tiền thu nhập bất chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên: Tịch thu, tiêu hủy 01 cây bút bi; tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 9.769.000 đồng, trong đó gồm 1.619.000 đồng tiền thu nhập bất chính và 8.150.000 đồng thực thu của các con bạc; tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án 03 (ba) tờ giấy ghi tịch đề ngày 21.12.2017 và ngày 22.12.2017

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Châu Đ và Bùi Thị Lệ H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vì muốn có thu nhập bất chính, nên từ đầu tháng 12/2017, bị cáo Bùi Thị Lệ H bán số đề cho người đến mua đề rồi tổng hợp lại thành các tịch đề nộp cho bị cáo Trần Thị Châu Đ để hưởng tỉ lệ huê hồng. Bị cáo Đ giữ lại các tịch đề để tính thắng, thua trực tiếp với người mua đề theo kết quả xổ số kiến thiết. Ngày 22/12/2017, khi bị cáo Trần Thị Châu Đ và Bùi Thị Lệ H tiến hành giao nhận tịch đề tại nhà số 01, đường Nguyễn Bèo, phường Đập Đá, thị xã A thì bị Công an thị xã A kiểm tra, bắt quả tang thu giữ 03 tịch đề, trong đó gồm: 01 tịch đề ngày 21/12/2017 với tổng số tiền trên tịch là 23.183.000đ và 02 tịch đề ngày 22/12/2017 với tổng số tiền trên tịch là 10.920.000đ. Các bị cáo còn khai nhận ngoài 02 lần bị bắt phạm tội quả tang, bị cáo H còn khoảng 20 lần ghi tịch đề rồi nộp cho bị cáo Đ, nhưng các tịch đề này đã bị hủy nên không xác định được số tiền trên tịch.

Như vậy, có thể xác định các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc và trong đó có 02 lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ. Bị cáo H đã hưởng lợi 439.000đ và bị cáo Đ đã hưởng lợi 1.180.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong thời gian Bộ luật Hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo đã vào phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương và gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi đánh bạc trái phép là một tệ nạn xã hội và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tiêu cực xã hội khác, nên cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc, có 02 lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cụ thể: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s. Ngoài ra, bị cáo Trần Thị Châu Đ còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n; bị cáo Bùi Thị Lệ H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự nguyện nộp khoản tiền thu nhập bất chính quy định tại điểm b. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tội phạm các bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, nên áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thị xã A thu giữ: 03 (ba) tờ giấy ghi tịch đề ngày 21.12.2017 và ngày 22.12.2017; 01 (một cây bút bi); tiền Việt Nam: 9.769.000 (chín triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên tịch thu, lưu giữ tại hồ sơ chứng cứ của vụ án là 03 (ba) tờ giấy ghi tịch đề; tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đánh bạc và hưởng lợi của các bị cáo 9.769.000 (chín triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn) đồng,; tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 cây bút bi là công cụ các bị cáo phạm tội, nhưng không còn giá trị sử dụng.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 35; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Châu Đ phạm tội: “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Đ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, mỗi tháng nộp 1.000.000 (một triệu) đồng ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 35; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Lệ H phạm tội: “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo H số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng, mỗi tháng nộp 1.000.000 (một triệu) đồng ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 cây bút bi;

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 9.769.000 (chín triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, trong đó gồm 1.619.000 (một triệu sáu trăm mười chín nghìn) đồng tiền thu nhập bất chính do bị cáo Bùi Thị Lệ H giao nộp và 8.150.000 (tám triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng thực thu của các con bạc.

- Tịch thu lưu tại hồ sơ vụ án 03 (ba) tờ giấy ghi tịch đề ngày 21.12.2017 và ngày 22.12.2017

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Thị Châu Đ và Bùi Thị Lệ H phải chịu mỗi người là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TX. A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an TX. A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà